



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2016 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38300312- 38358423
- Fax: (08) 38351488- 38390727
- Website: www.sobee.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 70 người. Trong đó nhân viên quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Văn Hồng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Ông Vũ Bùi Biển | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Lê Quang | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |
| • Bà Dương Văn Nhung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Ông Hồ Anh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Trường Quang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2015 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/03/2016 |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

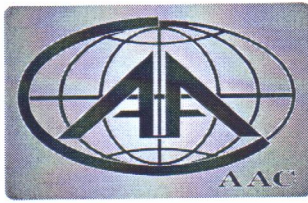
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 770/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 15/07/2016 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKKD kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		157.097.015.803	48.753.398.366
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.478.136.477	19.622.914.699
1. Tiền	111	5	14.478.136.477	19.622.914.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.317.039.181	13.222.635.727
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	79.539.735.427	12.513.582.492
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		281.392.450	49.806.830
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.000.000.000	1.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	431.884.965	444.433.213
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(935.973.661)	(785.186.808)
IV. Hàng tồn kho	140	10	60.891.547.315	15.495.221.556
1. Hàng tồn kho	141		61.841.319.773	16.444.994.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(949.772.458)	(949.772.458)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		410.292.830	412.626.384
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11. a	216.758.763	212.354.328
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.a	193.534.067	200.272.056
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.051.307.432	32.950.506.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.609.913.266	16.609.913.266
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	16.609.913.266	16.609.913.266
II. Tài sản cố định	220		13.714.484.847	12.670.603.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.386.434.847	342.553.636
- Nguyên giá	222		3.714.379.214	2.911.697.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.327.944.367)	(2.569.143.760)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	12.328.050.000	12.328.050.000
- Nguyên giá	228		12.362.050.000	12.362.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.000.000)	(34.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.329.000.000	3.329.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	3.329.000.000	3.329.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		397.909.319	340.990.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	397.909.319	340.990.068
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		191.148.323.235	81.703.905.336

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		136.541.899.496	25.983.615.921
I. Nợ ngắn hạn	310		136.541.899.496	25.983.615.921
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	126.035.427.560	21.005.948.390
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.374.187.452	2.109.402.613
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.b	1.380.806.873	157.408.153
4. Phải trả người lao động	314		1.976.878.814	310.849.642
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.178.106.566	1.349.343.121
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	139.947.428	841.234.449
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		456.544.803	209.429.553
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.606.423.739	55.720.289.415
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	54.606.423.739	55.720.289.415
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	20	(200.000.000)	(200.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	7.458.830.645	7.049.938.854
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	3.297.593.094	4.820.350.561
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	435.350.561	435.350.561
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	2.862.242.533	4.385.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		191.148.323.235	81.703.905.336



Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hữu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	262.551.631.934	226.446.381.260
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	4.469.858.517	184.481.776
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		258.081.773.417	226.261.899.484
4. Giá vốn hàng bán	11	23	237.884.430.905	205.880.751.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		20.197.342.512	20.381.147.818
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	481.420.041	774.157.071
7. Chi phí tài chính	22	25	208.267.082	1.340.128.219
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	268.751.400
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	8.218.212.214	7.713.697.730
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	6.921.148.437	7.104.868.543
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.331.134.820	4.996.610.397
11. Thu nhập khác	31	27	276.661.922	130.500.621
12. Chi phí khác	32	28	243.512.433	69.244.170
13. Lợi nhuận khác	40		33.149.489	61.256.451
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.364.284.309	5.057.866.848
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.275.366.404	1.149.166.373
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.088.917.905	3.908.700.475
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	746	758
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	746	758



Tổng Giám đốc

CÔNG
PHẦN
SÁCH VÀ
THIẾT BỊ GIÁO DỤC
MIỀN NAM

Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

(Handwritten signature)

Nguyễn Thanh Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		191.320.405.321	186.553.572.039
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(182.889.486.221)	(159.342.070.589)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.985.568.676)	(4.253.581.049)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(268.751.400)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17.b	(41.175.253)	(369.710.082)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		850.530.945	367.495.127
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.489.222.561)	(1.827.657.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		765.483.555	20.859.296.757
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(1.226.681.818)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	27	250.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(1.000.000.000)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	5.613.143.739
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	451.420.041	776.590.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.525.261.777)	(4.610.265.856)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	13.485.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.076.956.643)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(4.385.000.000)	(5.262.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.385.000.000)	5.146.043.357
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.144.778.222)	21.395.074.258
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	19.622.914.699	4.360.629.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	14.478.136.477	25.755.703.584



Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2016 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh Sách và Thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2016, Công ty có các công ty liên kết như sau:

- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trang Web công ty	4

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chiết khấu thanh toán nhanh phải trả: chi phí phải trả được xác định theo số tiền khách hàng trả trước tiền hàng nhân cho số ngày trả trước và lãi suất quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí nhuận bút: được xác định theo tỷ lệ nhuận bút thỏa thuận và phí giao thầu cho từng bộ sách, trong đó tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên cơ sở Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

4.11 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 *Ghi nhận doanh thu*

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

4.13 *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong năm là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	322.432.670	717.627.320
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.155.703.807	18.905.287.379
Cộng	14.478.136.477	19.622.914.699

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	12.267.146.685	2.209.232.944
Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM	19.607.774.077	-
Công ty CP Sách và TBTH Phú Yên	5.278.354.012	-
Công ty TNHH MTV In Đắc Lắc	4.867.702.521	138.818.513
Công ty CP Sách và TBTH Tiền Giang	4.709.954.763	-
Các đối tượng khác	32.808.803.369	10.165.531.035
Cộng	79.539.735.427	12.513.582.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.088.661.634	1.592.036.059
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	12.267.146.685	2.209.232.944
Công ty CP Sách và TBTH Tiền Giang	4.709.954.763	-
Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM	19.607.774.077	-
Các đối tượng liên quan khác	6.192.579.167	592.926.072
Cộng	43.866.116.326	4.394.195.075

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Thiên Nhân Việt (*)	1.000.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	1.000.000.000

(*) Cho Công ty TNHH Thiên Nhân Việt vay theo Hợp đồng số 08/HĐVV ngày 10 tháng 03 năm 2016, thời hạn cho vay từ 15/03/2016 đến 31/12/2016, lãi suất: 10%/năm.

(**) Cho Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội vay theo Hợp đồng số 01/HĐVV ngày 20/01/2015 và Phụ lục số 01-2016/PL-HĐVV, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký, lãi suất: 8%/năm.

Trong đó phải thu về cho vay là các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	30.000.000	-	-	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	-	-	18.620.359	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	190.759.905	-	423.612.781	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	73	-
Tạm ứng	178.925.060	-	-	-
Phải thu khác	32.200.000	-	2.200.000	-
Cộng	431.884.965	-	444.433.213	-

b. Dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	95.000.000	-	95.000.000	-
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	16.514.913.266	-	16.514.913.266	-
- Dự án Mai Thị Lựu (i)	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
- Quỹ đầu tư xuất bản (ii)	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Cộng	16.609.913.266	-	16.609.913.266	-

(i) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 15 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Đến nay, đã có báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 14.814.913.266 đồng (tương ứng tỷ lệ 30%).

(ii) Là khoản tiền mà Công ty đã tham gia vào Quỹ đầu tư xuất bản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để đầu tư cho hoạt động xuất bản Sách giáo khoa và Sách bổ trợ. Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 06-MN/2013/ĐTXB ngày 25/11/2013, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm kể từ ngày 25/11/2013 và thời hạn trên có thể được kéo dài theo thỏa thuận của 2 bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán	935.973.661	785.186.808
- Từ 3 năm trở lên	737.500.193	737.500.193
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	7.081.125	5.152.225
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	191.392.343	42.534.390
Cộng	935.973.661	785.186.808

10. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.206.977.450	-	2.202.137.467	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.408.182.901	-	1.644.838.710	-
Thành phẩm	6.849.568.225	-	3.469.571.481	-
Hàng hóa	45.050.019.105	949.772.458	8.970.775.537	949.772.458
Hàng gửi bán	1.326.572.092	-	157.670.819	-
Cộng	61.841.319.773	949.772.458	16.444.994.014	949.772.458

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2016.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Thuế GTGT đầu vào của hàng tồn kho chờ phân bổ	60.878.694	128.878.442
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	155.880.069	83.475.886
Cộng	216.758.763	212.354.328

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	397.909.319	340.990.068
Cộng	397.909.319	340.990.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	291.519.000	2.124.700.182	495.478.214	2.911.697.396
Mua sắm trong kỳ	-	1.196.681.818	30.000.000	1.226.681.818
Giảm trong kỳ	-	424.000.000	-	424.000.000
Số cuối kỳ	291.519.000	2.897.382.000	525.478.214	3.714.379.214
Khấu hao				
Số đầu kỳ	291.519.000	1.858.261.967	419.362.793	2.569.143.760
Khấu hao trong kỳ	-	166.655.885	16.144.722	182.800.607
T/lý, nhượng bán	-	424.000.000	-	424.000.000
Số cuối kỳ	291.519.000	1.600.917.852	435.507.515	2.327.944.367
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	266.438.215	76.115.421	342.553.636
Số cuối kỳ	-	1.296.464.148	89.970.699	1.386.434.847

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 1.713.943.123 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại ngày 30/06/2016.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Trang web công ty	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	12.328.050.000	34.000.000	12.362.050.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	12.328.050.000	34.000.000	12.362.050.000
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	34.000.000	34.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	34.000.000	34.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	12.328.050.000	-	12.328.050.000
Số cuối kỳ	12.328.050.000	-	12.328.050.000

(*) Là Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 457, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 04/08/2015.

Không có TSCĐ vô hình nào đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại ngày 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2016				01/01/2016				
	Tình hình hoạt động	Số lượng Cổ Phần	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết									
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Đang hoạt động	210.000	21%	2.100.000.000	-	-	2.100.000.000	-	-
- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu	Đang hoạt động	122.900	35%	1.229.000.000	-	-	1.229.000.000	-	-
Cộng				3.329.000.000	-	-	3.329.000.000	-	-

Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của các Công ty nhận đầu tư có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp.Hồ Chí Minh	115.491.583.248	12.829.752.760
Các đối tượng khác	10.543.844.312	8.176.195.630
Cộng	126.035.427.560	21.005.948.390

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	115.491.583.248	12.829.752.760
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	1.466.644.168	318.601.762
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	1.360.153.340	1.360.153.340
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	779.191.900	1.525.845.008
Các đối tượng liên quan khác	1.455.507.275	3.895.751.660
Cộng	120.553.079.931	19.930.104.530

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	-	1.520.818.545
Công ty TNHH MTV Sách và TBTH tỉnh Đắk Nông	2.202.933.408	-
Các đối tượng khác	171.254.044	588.584.068
Cộng	2.374.187.452	2.109.402.613

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân	200.272.056	384.168.368	377.430.379	193.534.067
Cộng	200.272.056	384.168.368	377.430.379	193.534.067

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	116.232.900	301.677.870	393.841.297	24.069.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.175.253	1.275.366.404	41.175.253	1.275.366.404
Phí và lệ phí	-	199.059.947	117.688.951	81.370.996
Cộng	157.408.153	1.776.104.221	552.705.501	1.380.806.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chiết khấu thanh toán nhanh	208.267.082	-
Chi phí nhuận bút tác giả	2.993.603.639	1.299.343.121
Chi phí vận chuyển	733.054.026	-
Chi phí khác	243.181.819	50.000.000
Cộng	4.178.106.566	1.349.343.121

19. Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	88.364.639	-
Hoa hồng môi giới	28.571.559	517.359.702
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Chi phí vận chuyển	-	244.681.000
Phải trả khác	3.011.230	59.193.747
Cộng	139.947.428	841.234.449

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/15	44.050.000.000	(200.000.000)	5.320.112.782	5.697.350.561
Tăng trong năm	-	-	1.729.826.072	7.193.913.026
Giảm trong năm	-	-	-	8.070.913.026
Số dư tại 31/12/15	44.050.000.000	(200.000.000)	7.049.938.854	4.820.350.561
Số dư tại 01/01/2016	44.050.000.000	(200.000.000)	7.049.938.854	4.820.350.561
Tăng trong kỳ	-	-	408.891.791	4.088.917.905
Giảm trong kỳ	-	-	-	5.611.675.372
Số dư tại 30/06/16	44.050.000.000	(200.000.000)	7.458.830.645	3.297.593.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016	01/01/2016
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.450.000.000	20.450.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	200.000.000	200.000.000
Cộng	44.050.000.000	44.050.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.405.000	4.405.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.820.350.561	5.697.350.561
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	4.088.917.905	7.193.913.026
Phân phối lợi nhuận	5.611.675.372	8.070.913.026
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	4.385.000.000	5.262.000.000
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	4.385.000.000	5.262.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	1.226.675.372	2.808.913.026
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	408.891.791	1.729.826.072
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	817.783.581	1.079.086.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	3.297.593.094	4.820.350.561

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông số 194/NQ-ĐHCD ngày 27/05/2016.

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết HĐQT số 04/2016/NQ-HDQT ngày 06 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu sách giáo khoa	239.016.010.545	205.303.730.580
Doanh thu sách tham khảo	19.640.510.525	17.492.592.801
Doanh thu khác	3.895.110.864	3.650.057.879
Cộng	262.551.631.934	226.446.381.260

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Hàng bán bị trả lại	4.469.858.517	184.481.776
Cộng	4.469.858.517	184.481.776

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn Sách giáo khoa	223.508.768.818	192.244.224.738
Giá vốn Sách tham khảo	10.897.361.191	10.513.099.930
Giá vốn hoạt động khác	3.478.300.896	3.123.426.998
Cộng	237.884.430.905	205.880.751.666

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	215.100.041	586.707.071
Cổ tức, lợi nhuận được chia	266.320.000	187.450.000
Cộng	481.420.041	774.157.071

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí lãi vay	-	268.751.400
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	208.267.082	1.071.376.819
Cộng	208.267.082	1.340.128.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương nhân viên bán hàng	3.987.420.040	3.632.941.021
Chi phí vận chuyển sách	2.104.753.752	2.110.029.394
Các khoản khác	2.126.038.422	1.970.727.315
Cộng	8.218.212.214	7.713.697.730

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương	3.373.603.769	2.859.055.558
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	839.864.977	1.270.505.342
Các khoản khác	2.707.679.691	2.975.307.643
Cộng	6.921.148.437	7.104.868.543

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thu nhập từ bóc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	-	120.626.213
Thu nhập từ bán vật tư, CCDC	26.451.818	8.014.636
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	250.000.000	-
Thu nhập khác	210.104	1.859.772
Cộng	276.661.922	130.500.621

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí bóc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	117.719.545	29.543.191
Tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính về thuế	84.885.408	-
Chi phí khác	40.907.480	39.700.979
Cộng	243.512.433	69.244.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.364.284.309	5.057.866.848
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	118.665.408	165.616.664
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	384.985.408	353.066.664
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	266.320.000	187.450.000
Tổng thu nhập chịu thuế	5.482.949.717	5.223.483.512
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.275.366.404	1.149.166.373
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.096.589.943	1.149.166.373
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	178.776.461	-

30. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.088.917.905	3.908.700.475
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(817.783.581)	(586.200.000)
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	817.783.581	586.200.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.271.134.324	3.322.500.475
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.385.000	4.385.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	746	758

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.434.802.018	3.316.259.823
Chi phí nhân công	7.366.130.584	6.974.197.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.800.607	148.492.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.396.426.390	8.220.888.923
Chi phí khác bằng tiền	3.112.511.608	2.918.758.167
Cộng	27.492.671.207	21.578.596.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch, số dư ngoại tệ và không có nợ vay, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), hơn nữa đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	126.035.427.560	-	126.035.427.560
Chi phí phải trả	4.178.106.566	-	4.178.106.566
Phải trả khác	50.571.559		50.571.559
Cộng	130.264.105.685	-	130.264.105.685

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	21.005.948.390	-	21.005.948.390
Chi phí phải trả	1.349.343.121	-	1.349.343.121
Phải trả khác	841.234.449	-	841.234.449
Cộng	23.196.525.960	-	23.196.525.960

Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.478.136.477	-	14.478.136.477
Phải thu khách hàng	78.603.761.766	-	78.603.761.766
Phải thu về cho vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khác	252.959.905	16.609.913.266	16.862.873.171
Cộng	95.334.858.148	16.609.913.266	111.944.771.414

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.622.914.699	-	19.622.914.699
Phải thu khách hàng	11.728.395.684	-	11.728.395.684
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khác	444.433.213	16.609.913.266	17.054.346.479
Cộng	32.795.743.596	16.609.913.266	49.405.656.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty CP Học liệu
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang

Công ty đầu tư
Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2016	năm 2015
		VND	VND
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Sách bổ trợ, sách tham khảo	11.570.949	14.829.750
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	256.320.949.127	207.233.587.245
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Sách tham khảo	39.375.000	39.375.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Sách bổ trợ, sách tham khảo	15.797.000	87.975.300
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo	199.339.166	72.144.310
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Sách giáo khoa	2.505.923.414	1.938.071.890
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo, TBGD	5.764.372.890	2.339.947.511
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	3.472.243.668	2.074.437.155
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Sách bổ trợ, sách tham khảo	944.862.777	1.241.388.200
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Sách giáo khoa, sách tham khảo	234.557.700	52.297.850
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Sách tham khảo	1.112.390.300	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa, sách tham khảo	220.871.400	31.342.720
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng sách, Lãi cho vay	156.156.421	646.507.458
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, c/khâu t/toán nhanh	81.835.896	172.000.252
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	2.641.685.358	3.653.521.484
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Cung ứng sách	8.178.471.668	9.822.768.013
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	23.379.818.141	17.104.453.499
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	61.310.653.591	36.879.003.920
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	9.382.119.618	11.238.357.295
Công ty CP Học liệu	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	1.516.865.365	1.954.028.689
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	72.602.700	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách, Lãi vay	153.037.885	54.265.288
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách	513.785.409	696.959.999
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	336.589.520	170.868.900
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cung ứng sách	53.797.560	453.241.012
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng sách	3.627.156.290	6.138.871.984
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Cung ứng sách	7.668.689.089	7.025.122.957
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung ứng sách	6.285.726.116	5.380.477.779
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Cung ứng sách	10.940.538.624	9.474.261.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hữu